

Đề bài

Phân tích vẻ đẹp của
khổ thơ sau:

"Thước kẻ tôi lên chơi đèn Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng...
... cái năm đói, củ dong riềng luộc sượng
Cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm"

(Trích *Đồ Lèn*, Nguyễn Duy,
Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một)

Bài làm

Tuổi thơ với những kỉ niệm ngọt ngào luôn là nơi ngưỡng vọng của những con người không quên quá khứ. Với Nguyễn Duy, tuổi thơ không chỉ là nơi tìm lại được kỉ niệm ấu thơ mà còn là nơi nhà thơ được lắng hồn chiêm nghiệm về nỗi nhọc nhằn, chịu đựng của người bà kính yêu. Đò Lèn là bài thơ cảm động bởi những kí ức không thể mờ phai về tuổi thơ có bà che chở:

*“Thưở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng...
... cái năm đói, củ dong riêng luộc sượng
Cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm”*

Bài thơ có sáu khổ, đoạn được trích trên đây là ba khổ thơ giữa, nắm giữ mạch nguồn tình cảm chính trong toàn bài. Đoạn thơ bắt đầu bằng dòng hồi ức về những lần đi chơi của nhân vật trữ tình. “Thưở nhỏ” là trạng ngữ chỉ thời gian, hé mở cho chúng ta hình ảnh một cậu thiếu niên. Chú bé này không ra sông tắm, không đi bắt chuồn chuồn, không tha thẩn trưa hè trốn bà đi đánh trận giả mà thích thú đến chơi các đèn, chùa, mãi mê xem lễ Thánh. Hẳn là cậu ta đã rất hay theo bà đi đến những nơi này. Hình ảnh “chân đất đi xem lễ đèn Sòng” vừa gợi cái say mê, thích thú của con trẻ, vừa gợi cái láu lỉnh, nghịch ngợm đáng yêu. Hẳn sâu trong tâm trí nhân vật tôi không phải là hình ảnh ông Bụt đang trầm ngâm nghĩ ngợi như trong thơ Trần Đăng Khoa mà là hương thơm thanh khiết của huệ trắng và khói trầm cùng điệu hát cô đồng. Có lẽ đôi mắt cậu bé còn đang mãi miết theo nhìn một chùm nhãn hay một con chim sẻ nào đó nên chỉ có khứu giác và thính giác chịu nhận biết không gian. Kì diệu thay, bao nhiêu năm trôi qua, những gì còn lưu đọng lại trong trí nhớ nhân vật trữ tình lại chính là “mùi huệ trắng quện khói trầm” và “điệu hát vắn” thưở nào. Tất cả không rõ ràng, cụ thể mà chỉ là những mảng tượng mơ hồ bởi nhớ về hương thơm nhưng đó chỉ là mùi hương “thơm lắm”, không quên được điệu hát nhưng cũng chỉ nhớ “điệu hát vắn lão đảo bóng cô đồng”. Bao nhiêu cái phai nhòa chỉ để cho nỗi nhớ hướng trọn về không gian thanh tịnh đó. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm mới có thể nắm bắt và lưu giữ những điều linh diệu như thế.

Nỗi nhớ “những chuyến hành hương lên đất Phật” thưở bé thơ không che khuất được kí ức về bà ngoại. Tất cả những gì ngày thơ trẻ vô tình giờ sống dậy thật rõ ràng:

*“Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn”*

Cụm từ “tôi đâu biết” chứng tỏ sự thực là cho đến giờ, khi đã trưởng thành, nhân vật trữ tình mới ý thức được về những “cơ cực” bà ngoại phải chịu đựng trong suốt những năm tháng xưa. Lời thơ hàm chứa sự tự trách về thái độ vô tâm của mình. Trong nhận thức của nhân vật tôi lúc này, những lam lũ bà phải một mình chịu đựng nhiều vô kể. Phép liệt kê được nhà thơ sử dụng để khắc họa những cơ nhọc của bà. Hàng loạt cụm động từ chỉ hành động được đưa ra: “mò cua”, “xúc tép”, “gánh chè xanh”. Tuổi già phải được nghỉ ngơi, thư thái bên các con cháu, nhưng người bà của nhân vật tôi vẫn một mình tảo tần hôm sớm. Câu thơ Nguyễn Duy làm ta nhớ tới hình ảnh bà cụ già lầm lụi “quẩy gánh hàng rong” trong bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm. Đã có cả một thế hệ những bà cụ già phải vất vả như thế trong những năm tháng đau thương của dân tộc. Và không thương sao được, không ghen ngào sao được trước những con người như thế. Những nhọc nhằn của người bà còn được Nguyễn Duy khắc sâu trong bằng những tên đất – nơi đôi chân trần chai sạn của bà đã đi qua. Đồng Quan, Ba Trại, Quán Cháo, Đồng Giao – bốn địa danh cụ thể – mở ra những hướng không gian bất tận. Nỗi khó nhọc theo đó được căng trải, menh mông thêm. Từ láy “thập thững” cùng kết hợp với từ độc đảo “những đêm hàn” gợi tả dáng đi dò dẫm mà tất tả của bà cụ trong đêm giá rét. Tưởng chừng như bao cơ nhọc của cuộc đời đều hiện hết trong dáng đi ấy. Lại một lần nữa ta bắt gặp trong thơ ca hình ảnh thân cò lặn lội, nhưng không phải lặn lội vì con mà lặn lội vì cháu – vì thế hệ thứ ba.

Nỗi xúc động ghen ngào khi nhận ra những toan lo âm thầm của bà ngoại đã khiến nhân vật trữ tình không thể thốt lên một lời cảm thán trực tiếp nào. Bất ngờ trước sự hi sinh quá đỗi to lớn của bà, nhân vật tôi không thể định hình được cảm xúc, tâm trạng của mình lúc này:

*“Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực
giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần
cái năm đói, củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mình huệ trắng, hương trầm”*

Khó có thể diễn giải cho chính xác trạng thái “trong suốt” trong tâm hồn tác giả là như thế nào. Nếu cho khổ thơ này là sự kết đọng, hợp lưu cảm thức của hai khổ thơ trên thì trong suốt là trạng thái phân vân khó tả khi nhân vật tôi đang cố gắng phân giới hai bờ hư – thực. Trước những hi sinh thầm lặng của bà ngoại, người cháu ngữ như bà ngoại mình cũng là một vị tiên. Cảm thức tiên Phật từ những ngày thơ ấu cùng những khám phá bất ngờ về công ơn của bà là nguyên do đẩy nhân vật trữ tình vào trạng thái “trong suốt” kì lạ. Thực hay là mơ đây? Lời thơ không hề mông lung, khó hiểu nhưng những hoài nghi của nhân vật trữ tình đã dẫn ta vào một thế giới hư huyền. Kí ức lại dội về “cái năm đói” khôn khổ, nhưng át đi bao “cơ cực” đó là hương thơm hoa huệ và hương trầm. Lần thứ hai hương thơm đó trở lại trong lời thơ. Không phải là nỗi ám ảnh khó chịu mà là sự quán

quýt của mùi hương kí ức. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của nhân vật trữ tình. Hương thơm được “nghe” như thể nó là thanh âm từ xa xôi vọng về ấy. Nếu chỉ nói hương thơm đó “thoang thoảng” thì đó là thứ hương thơm của hiện tại, rồi nó sẽ mất đi. Chữ “nghe” cho thấy hương thơm đó gắn bó với những kỉ niệm ngọt ngào thưở ấu thơ.

Nét nghệ thuật chủ đạo của đoạn thơ này là phép đối. Phép đối được sử dụng rất linh hoạt. Có khi là phép đối tương phản: giữa vị giác và khứu giác, giữa thực tế cuộc sống nghèo nàn và hương vị tinh thần phong phú. Có khi là phép đối tương hỗ: “giữa bà tôi và tiên Phật, thánh, thần”. Tất cả chung một mục đích tô đậm cái cao cả, thanh khiết của con người.

Nếu coi ba khổ thơ là ba sự kiện thì sợi dây xuyên suốt chúng là tình yêu, là sự kính mến và biết ơn chân thành mà nhân vật trữ tình dành cho bà ngoại. Nhớ gì, nghĩ gì đi nữa, tất cả đều hướng về người bà kính yêu. Kỉ niệm về bà cũng chính là những kỉ niệm về một cõi thân tiên thưở thơ ngây. Vậy nên cảm thức về tiên Phật luôn gắn kết với tình yêu con trẻ.

Đò Lèn là bài thơ cảm động về tình yêu cháu dành cho bà. Tình cảm đó đạt đến độ sâu sắc bởi nó là tình cảm đã được ý thức bởi một người trưởng thành. Đoạn thơ trên đây đã kết đọng những yêu thương chân thành nhất của người cháu khi đã lớn khôn, trở về thì bà ngoại đã mãi mãi xa khuất.